

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12/4/2023.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**;

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Trinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Kim Thị C**, sinh năm 1997

Địa chỉ: khóm 6, thị trấn T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Anh **Trần Hoàng N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp NB, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị C và anh N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, bản tự khai ngày 28/02/2023, nguyên đơn chị Kim Thị C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 16/11/2020. Trong thời

gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng N.

Về con chung: Chị C xác định trong thời gian chung sống giữa chị và anh Trần Hoàng N có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 25/4/2021. Hiện tại cháu Thịnh đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu được nuôi cháu Thịnh và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Thịnh.

Về tài sản chung: Chị C xác định giữa chị và anh Trần Hoàng N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 02/03/2023, bị đơn anh Trần Hoàng N trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh N và chị C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay. Nay vợ anh là chị Kim Thị C yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh N xác định giữa anh và chị C có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 25/4/2021. Hiện tại cháu Thịnh đang sống chung với chị C. Nay anh N xác định anh đồng ý giao cháu Trần Hoàng Thịnh cho chị C nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh N xác định giữa anh và chị C không có tài sản chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị C được ly hôn anh Trần Hoàng N;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 25/4/2021 cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Kim Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng N và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Hoàng N có nơi đăng ký thường trú tại ấp NB, xã NQ, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Kim Thị C và bị đơn anh Trần Hoàng N tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị C và anh N.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị C và anh Trần Hoàng N có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 16/11/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị C và anh N đều xác định có xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi và anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh N. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do chị C và anh N đã sống ly thân khoảng 02 tháng nay. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023 của Tòa án đối với anh N thì anh N cũng đồng ý ly hôn với chị C. Mặc dù anh N đồng ý ly hôn với chị C nhưng khi tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án thì anh N vắng mặt nên không thể lập biên bản về việc ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị C và anh N để Tòa án ra Quyết định công nhận sự thuận

tình ly hôn giữa anh chị được nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Vì vậy khi xét xử vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 cho chị Kim Thị C được ly hôn anh Trần Hoàng N.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, chị C và anh N đều xác định giữa anh chị có 01 người con chung là cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 25/4/2021. Hiện tại cháu Thịnh đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu được nuôi con và anh N cũng đồng ý giao cháu Thịnh cho chị C nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Hoàng Thịnh hiện đang sống ổn định với chị C, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định, đồng thời tính đến ngày xét xử cháu Thịnh chưa đủ 36 tháng tuổi, nên tiếp tục giao cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 25/4/2021 cho chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Trần Hoàng Thịnh nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị C và anh N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Kim Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị C được ly hôn anh Trần Hoàng N.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 25/4/2021 cho chị Kim Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng Thịnh nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị C phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị C đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006736 ngày 28/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi

